

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v tranh chấp về thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Công Minh.
- Ông Nguyễn Kim Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2024/TLST-DS ngày 08/10/2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2404/2024/QĐXXST-DS ngày 30/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2025/QĐST-DS ngày 19/02/2025 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 204/2025/TB-TA ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số A Đường L, Ấp C, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T.

Địa chỉ: A L, ấp C, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1968. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Tổ A, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị T1, sinh năm 1944. (Xin vắng mặt)

2. Bà Trần Thị C1, sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 1975. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1 Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1963. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trần Thị S, sinh năm 1965. (Xin vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị H. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 7 Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Trần Thị B, sinh năm 1967. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 3 Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Đường L, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Trần Thị Ngọc T4, sinh năm 1991. (Xin vắng mặt)

10. Ông Trần Phát L1, sinh năm 1996. (Xin vắng mặt)

11. Ông Trần Phát T5, sinh năm 1999. (Xin vắng mặt)

12. Bà Trần Thị Ngọc Q, sinh năm 2003. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 6 Tổ A, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn C ủy quyền cho ông Trần Văn T trình bày:

Cha tôi là ông Trần Văn H2, khi còn sống cha tôi có hai đời vợ.

Trước năm 1954, cha tôi sống chung với mẹ tôi là bà Lê Thị T6, đến năm 1969 cha mẹ tôi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. cha mẹ tôi có với nhau 05 người con chung, gồm:

Ông: Trần Văn C Sinh năm: 1954

Bà: Trần Thị T3 Sinh năm: 1963

Bà: Trần Thị S Sinh năm: 1965

Bà: Trần Thị B Sinh năm: 1967

Ông: Trần Văn T7 Sinh năm 1969 (chết ngày 15/02/2013)

Năm 1970 mẹ tôi là bà Lê Thị T6 chết. Sau khi mẹ tôi chết thì cha tôi sống chung người vợ thứ hai là bà Cao Thị T1 từ năm 1971 (không đăng ký kết hôn). Cha tôi và bà Cao Thị T1 có với nhau 03 người con chung, gồm:

Bà: Trần Thị C1 Sinh năm: 1971

Bà: Trần Thị Thu H1 Sinh năm: 1973

Bà: Trần Thị Thu T2 Sinh năm: 1975

Trong thời kỳ hôn nhân giữa cha tôi và mẹ tôi là Lê Thị T6 thì cha mẹ tôi có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008). Nhưng ngày 27/8/2008 Ủy ban nhân dân huyện N đăng ký biến động sai tên người để lại di sản thừa kế, cụ thể thay vì người để lại di sản thừa kế là ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6, Ủy ban nhân dân huyện N lại để là ông Trần Văn H2 và bà Cao Thị T1 (hiện nay bà Cao Thị T1 đang còn sống).

Ngày 27/4/1970 mẹ tôi là bà Lê Thị T6 chết, trước khi chết mẹ tôi không để lại di chúc cho ai được hưởng di sản của mẹ tôi để lại. Tài sản mà mẹ tôi để là ½ căn nhà và thửa đất nêu trên với giá trị 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng). Hàng thừa kế thứ nhất của mẹ tôi tại thời điểm phát sinh quyền thừa kế gồm có 06 người, bao gồm:

Ông: Trần Văn H2 (chồng), không rõ năm sinh, chết năm 1976

Tôi: Trần Văn C (con) Sinh năm: 1954

Bà: Trần Thị T3 (con) Sinh năm: 1963

Bà: Trần Thị S (con) Sinh năm: 1965

Bà: Trần Thị B (con) Sinh năm: 1967

Ông: Trần Văn T7 (con) Sinh năm 1969 (chết ngày 15/02/2013)

Sau khi mẹ tôi chết thì tôi và cha tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà và thửa đất nêu trên.

Ngày 26/5/1976 cha tôi chết, trước khi chết cha tôi không để lại di chúc cho ai được hưởng di sản của cha tôi để lại. Tài sản của cha tôi để là ½ căn nhà và thửa đất nêu trên và phần quyền tài sản mà cha tôi được hưởng thừa kế của mẹ tôi (bà Lê Thị T6) để lại với giá trị 7.000.000.000đ (sáu tỷ đồng). Hàng thừa kế thứ nhất của cha tôi tại thời điểm phát sinh quyền thừa kế gồm có 09 người, bao gồm:

Bà: Cao Thị T1 (vợ thứ hai) Sinh năm: 1944

Tôi: Trần Văn C (con) Sinh năm: 1954

Bà: Trần Thị T3 (con) Sinh năm: 1963

Bà: Trần Thị S (con) Sinh năm: 1965

Bà: Trần Thị B (con) Sinh năm: 1967

Ông: Trần Văn T7 (con) Sinh năm 1969 (chết ngày 15/02/2013)

Bà: Trần Thị C1 (con) Sinh năm: 1971

Bà: Trần Thị Thu H1 (con) Sinh năm: 1973

Bà: Trần Thị Thu T2 (con) Sinh năm: 1975

Ngày 15/02/2013 ông Trần Văn T7 chết, khi còn sống ông Trần Văn T7 có đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Ngọc L và sinh được 04 người con chung, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7 gồm có 05 người. Do đó, phần tài sản mà ông Trần Văn T7 được hưởng thừa kế của cha mẹ tôi sẽ được chia cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7, bao gồm:

Bà: Lê Thị Ngọc L Sinh năm: 1968

Bà: Trần Thị Ngọc T4 Sinh năm: 1991

Ông: Trần Phát L1 Sinh năm: 1996

Ông: Trần Phát T5 Sinh năm: 1999

Bà: Trần Thị Ngọc Q Sinh năm: 2003

Hiện nay tài sản của cha mẹ tôi là căn nhà và thửa đất nêu trên chưa được phân chia thừa kế và các đồng thừa kế của cha mẹ tôi không thỏa thuận được việc phân chia

tài sản nên hôm nay tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án giải quyết việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án:

1. Phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị T6 để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà và thửa đất nêu trên với giá trị 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng) thành 06 phần cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị T6. Cụ thể: $6.000.000.000đ : 06 = 1.000.000.000$ đồng/phần. Như vậy, mỗi người thừa kế của bà Lê Thị T6 sẽ được hưởng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

2. Phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H2 để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà và thửa đất nêu trên với giá trị 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng) và 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mà ông Trần Văn H2 được hưởng thừa kế của bà Lê Thị T6 thành 09 phần cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn H2. Cụ thể: $(6.000.000.000đ + 1.000.000.000đ) : 09 = 777.777.778$ đồng/phần.

Như vậy; sau khi phân chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ tôi sẽ được hưởng tổng giá trị tài sản như sau:

Tôi được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị tôi được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị T3 được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị T3 được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị S được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị S được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị B được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị B được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7 (bà Lê Thị N; bà Trần Thị Ngọc T4; ông Trần Phát L1; ông Trần Phát T5 và bà Trần Thị Ngọc Q) được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7 được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Cao Thị T1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị C1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị Thu H1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị Thu T2 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

3. Do di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại không thể chia bằng hiện vật được cho các đồng thừa kế, nên tôi kính đề nghị Q Tòa án tuyên cho tôi được nhận di sản thừa

kế của cha mẹ tôi để lại bằng hiện vật và tôi sẽ thanh toán giá trị phần thừa kế mà các đồng thừa kế khác được hưởng.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc L có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai trình bày:

Tôi là vợ của ông Trần Văn T7, ông Trần Văn T7 sinh năm 1969, chết ngày 15/02/2013. Cha mẹ của ông Trần Văn T7 là ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6, ông H2 và bà T6 chết trước chồng tôi, nên tôi và các con của tôi được hưởng phần tài sản của chồng tôi được hưởng của ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6.

Ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6 có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Ngày 01/10/2024 ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6 để lại, tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế mà tôi được hưởng cho ông Trần Văn C. Tôi cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến phần tài sản mà tôi được hưởng tặng cho ông Trần Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi là vợ của ông Trần Văn C. Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ chồng tôi là ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6 có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008). Sau khi cha mẹ chồng tôi chết thì vợ chồng tôi là người ở và quản lý căn nhà và thửa đất nêu trên, trong quá trình sinh sống thì tôi có sửa chữa lại căn nhà, nên tôi mới được đứng tên trong giấy tờ nhà đất.

Ngày 01/10/2024 ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H2 và bà Lê Thị T6 để lại, vấn đề này tôi không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T1 trình bày:

Chồng tôi là ông Trần Văn H2, chồng tôi có hai người vợ, người vợ thứ nhất là bà Lê Thị T6, bà Lê Thị T6 chết ngày 27/4/1970. Sau khi bà Lê Thị T6 chết thì chồng tôi chung sống với tôi - Người vợ thứ 2 của chồng tôi.

Trong thời kỳ hôn nhân của chồng tôi với bà Lê Thị T6 thì chồng tôi với bà Lê Thị T6 có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Ngày 01/10/2024 ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của chồng tôi (ông Trần Văn H2) và của bà Lê Thị T6 để lại, tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế mà tôi được hưởng cho ông Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ tài sản của tôi (nếu có) đối với văn nhà và thửa đất nêu trên cho ông Trần Văn C. Tôi cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến phần tài sản mà tôi được hưởng tặng cho ông Trần Văn C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C1, bà Trần Thị Thu H1 và bà Trần Thị Thu T2 có cùng ý kiến trình bày:

Cha tôi là ông Trần Văn H2, cha tôi có hai người vợ, người vợ thứ nhất là bà Lê Thị T6, bà Lê Thị T6 chết ngày 27/4/1970. Sau khi bà Lê Thị T6 chết thì cha tôi chung số với mẹ tôi là bà Cao Thị T1 (người vợ thứ 2 của cha tôi).

Trong thời kỳ hôn nhân của cha tôi với bà Lê Thị T6 thì cha tôi với bà Lê Thị T6 có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Ngày 01/10/2024 ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha tôi và của bà Lê Thị T6 để lại, tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế mà tôi được hưởng cho ông Trần Văn C. Tôi cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến phần tài sản mà tôi được hưởng tặng cho ông Trần Văn C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B, bà Trần Thị S và bà Trần Thị T3 cùng có ý kiến trình bày:

Cha tôi là ông Trần Văn H2, mẹ tôi là bà Lê Thị T6, trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ tôi có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Ngày 01/10/2024 ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha, mẹ tôi để lại, tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế mà tôi được hưởng cho ông Trần Văn C. Tôi cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến phần tài sản mà tôi được hưởng tặng cho ông Trần Văn C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phát L1, ông Trần Phát T5, bà Trần Thị Ngọc Q và bà Trần Thị Ngọc T4 cùng có ý kiến trình bày:

Cha tôi là ông Trần Văn T7 sinh năm 1969, chết ngày 15/02/2013. Cha tôi là con của ông Trần Văn H2 và bà nội tôi là bà Lê Thị T6. Do đó, ông Trần Văn H2 và bà nội tôi là bà Lê Thị T6 là ông nội, bà nội của tôi.

Trong thời kỳ hôn nhân ông bà tôi có tạo lập được căn nhà và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Ngày 01/10/2024 bác tôi là ông Trần Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông, bà nội tôi để lại, tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bác Trần Văn C và tôi đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế mà tôi được hưởng cho bác Trần Văn C. Tôi cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến phần tài sản mà tôi được hưởng tặng cho bác Trần Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, bị đơn và những người có quyền lợi liên quan có ý kiến thống nhất đồng ý tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế được hưởng cho ông Trần Văn C, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và những người có quyền lợi liên quan về việc thống nhất công nhận tài sản tranh chấp thuộc về ông Trần Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp chia tài sản chung được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Mặc khác bà Lê Thị Ngọc L cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

1. Phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị T6 để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà và thửa đất nêu trên với giá trị 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng) thành 06 phần cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị T6. Cụ thể: 6.000.000.000đ : 06 = 1.000.000.000

đồng/phần. Như vậy, mỗi người thừa kế của bà Lê Thị T6 sẽ được hưởng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

2. Phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H2 để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà và thửa đất nêu trên với giá trị 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng) và 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mà ông Trần Văn H2 được hưởng thừa kế của bà Lê Thị T6 thành 09 phần cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn H2. Cụ thể: $(6.000.000.000đ + 1.000.000.000đ) : 09 = 777.777.778$ đồng/phần.

Như vậy; sau khi phân chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ tôi sẽ được hưởng tổng giá trị tài sản như sau:

Tôi được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị tôi được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị T3 được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị T3 được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị S được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị S được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Trần Thị B được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà Trần Thị B được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7 (bà Lê Thị N; bà Trần Thị Ngọc T4; ông Trần Phát L1; ông Trần Phát T5 và bà Trần Thị Ngọc Q) được hưởng 1.000.000.000 đồng di sản của bà Lê Thị T6 để lại và 777.777.778 đồng di sản của ông Trần Văn H3 để lại. Như vậy tổng giá trị mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T7 được hưởng là 1.777.777.778 đồng.

Bà Cao Thị T1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị C1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị Thu H1 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

Bà Trần Thị Thu T2 được hưởng 777.777.778 đồng di sản của ông H3 để lại.

3. Do di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại không thể chia bằng hiện vật được cho các đồng thừa kế, nên tôi kính đề nghị Q Tòa án tuyên cho tôi được nhận di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại bằng hiện vật và tôi sẽ thanh toán giá trị phần thừa kế mà các đồng thừa kế khác được hưởng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị T1, Trần Thị C1, Bà Trần Thị Thu T2, Bà Trần Thị T3, Bà Trần Thị S, Bà Nguyễn Thị H, Bà Trần Thị B, Bà Trần Thị Thu H1, Bà Trần Thị Ngọc T4, Ông Trần Phát L1, Ông Trần Phát T5, Bà Trần Thị Ngọc Q, đều có ý kiến thống nhất đồng ý xác nhận lời khai của nguyên đơn ông Trần Văn C về nhân thân lý lịch của gia đình và cùng xác nhận di sản thừa kế là thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ

gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

Đối với di sản thừa kế là thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008); Và đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2024; Bị đơn bà Lê Thị Ngọc L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị T1, Trần Thị C1, Bà Trần Thị Thu T2, Bà Trần Thị T3, Bà Trần Thị S, Bà Nguyễn Thị H, Bà Trần Thị B, Bà Trần Thị Thu H1, Bà Trần Thị Ngọc T4, Ông Trần Phát L1, Ông Trần Phát T5, Bà Trần Thị Ngọc Q đều có ý kiến: Thống nhất từ chối nhận di sản thừa kế nêu trên, đồng thời các ông bà không tranh chấp về việc chia di sản thừa kế; di sản này được ông Trần Văn C đang trực tiếp quản lý, sử dụng, các ông bà không tranh chấp tài sản chung này và đồng ý công nhận tài sản này thuộc về ông Trần Văn C, các ông bà cam kết không tranh chấp phần tài sản chung này với ông Trần Văn C. Các ông bà đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ tài sản nêu trên là của ông Trần Văn C.

[2.3] Xét ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Ngọc L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị T1, Trần Thị C1, Bà Trần Thị Thu T2, Bà Trần Thị T3, Bà Trần Thị S, Bà Nguyễn Thị H, Bà Trần Thị B, Bà Trần Thị Thu H1, Bà Trần Thị Ngọc T4, Ông Trần Phát L1, Ông Trần Phát T5, Bà Trần Thị Ngọc Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, thể hiện sự gắn kết yêu thương trong gia đình nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng bao gồm: xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: ông Trần Văn C tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế khác phải chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 74; Điều 147; Điều 157; Điều 184; Điều 192; Điều 225; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 31/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn C.

Công nhận di sản thừa kế là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm 03 căn nhà theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2024 như sau:

- Căn 1: Nhà 02 tầng, có kết cấu tường gạch, mái tôn, sàn bê tông cốt thép;
- Căn 2: Nhà cấp 4, có kết cấu tường gạch, mái tôn, nền lát gạch.
- Căn 3: Nhà cấp 4, có kết cấu tường gạch, mái tôn, nền lát gạch.

Thuộc thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, diện tích đất 555m², địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008), thuộc về ông Trần Văn C.

Ông Trần Văn C được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh biến động quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 422, tờ bản đồ số 85, với diện tích 555m², ở tại địa chỉ: 7/4 L, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 203/2008/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/08/2008, đăng ký thay đổi ngày 27/8/2008).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng bao gồm: xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: ông Trần Văn C tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được công bố hợp lệ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Huyện Nhà Bè
- Chi cục Thi Hành Án DS huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thanh Loan

